

# PHẬT TỔ THỐNG KÝ

## QUYỂN 43

### PHẦN 10

**NHÀ TỔNG:** (Đóng Đô ở Biện Kinh)

**Đời Thái Tổ:** (con thứ hai của Tuyên Tổ, mẹ là Đỗ Thị, sinh ngày mười sáu tháng hai là tiết Trường Xuân, chôn ở Vĩnh Xương Lăng).

Năm Kiến Long thứ nhất (Canh Thân), tháng giêng ngày Giáp Thìn, Chu Cung Đế nhường ngôi. Khi xưa vua nhận chiếu Bắc chinh, đêm ngủ tại quán dịch ở Trần Kiều thì được tướng sĩ suy cử ủng hộ kéo về kinh. Lúc đó Thái Phu nhân là Đỗ Thị (mẹ của Thái Tổ là Chiêu Hiến Hoàng hậu) cùng Vương phu nhân (vợ của Thái Tổ là Hiếu Minh Hoàng hậu) mới thiết Trai ở chùa Định Lực để cầu phước. Nghe có biến thì Vương phu nhân kinh sợ. Thái phu nhân nói: Con ta bình sinh có rất nhiều kỳ lạ, người ta nói sẽ là hàng cực quý, thì có gì lo! (Dương Văn Công Đàm Uyển). Trước đây vua Minh Tông nhà Hậu Đường, ở trong cung Cấm đã đốt hương khẩn trời rằng: Thần vốn dòng Di Dịch không đủ sức làm vua Trung Nguyên, xin sớm sinh Thánh nhân để trị yên thiên hạ. Ngày mười sáu tháng hai năm Thiên Thành thứ hai thì vua được sinh ra ở doanh Thái Nội Giáp Mã ở Lạc dương, có ánh sáng lạ đầy nhà, mùi hương lạ ngọt ngào không tan, thân có màu vàng ba ngày mới đổi. Người biết chuyện cho đó là ứng nghiệm theo lời khẩn của Minh Tông (theo Hoàng Triều Cảnh Mạng Lục).

**Khen rằng:** Việc có ánh sáng lạ và thân có sắc vàng ròng là tướng lành của Phật Bồ-tát. Mở vận tốt vào thời Ngũ Quý, ngày lên ngôi thỏa nguyện bốn biển trông chờ. Mà lại biết hưng giáo hộ pháp, rải lòng từ khắp muôn nơi, vì xã tắc mà cầu phước linh trường. Nếu không phải là Phật Bồ-tát hiện thân thì còn ai nữa?

Khi vua chưa ra làm quan, đi qua chùa Trường Thọ Trấn ở Kinh Châu, vị Sa-môn chủ chùa biết không phải là phàm nhân bèn ngầm cho

người vẽ hình vua để ở vách. Sau cho rằng chùa có hình vua mà được Quan bảo hộ. Đến khi ở Lạc dương, có lần đến chùa Trường Thọ, vua nằm trên tảng đá ngủ trưa. Vị Tăng là Thủ Nghiêm thấy có con rắn đỏ nhỏ thò ra thụt vào trên mũi. Khi ông tỉnh dậy, Nghiêm hỏi nơi đến, thì bảo muốn đến Đàm Châu để yết kiến Sài Thái Úy, nhưng không có gì để đi (Chu Thế Tông). Nghiêm thưa: “Bần Đạo có con lừa có thể cỡi mà đi”, lại tặng cho ít tiền. Khi ra mắt, Thái Úy lấy làm lạ bèn giữ ông ở lại Mạc Phủ. Khi nhà Tấn trị vì ở Tống Thành có vị Tăng lạ giống như một bậc hào hiệp kẹp đạn đồng chạy trên cỏ, chỉ tay vào đất bảo: Không đầy hai mươi năm nữa sẽ có Đế Vương ở đây mà dựng nước (theo Dương Văn Công Đàm Uyển - Thái Tổ khi ở Triều nhà Chu là Quy Đức Quân Tiết Độ Sứ. Quy Đức ở nhà Đường là Tống Châu nên khi được nhường ngôi là đặt tên nước là Tống).

Trước đó trong dân gian có được tấm bảng đồng của Chí Công đời Lương ký rằng: “Có một chân nhân nổi lên từ Ký Châu, mở miệng giương cung ở bên trái, con con cháu cháu nối ngôi lâu”. Ở Giang nam, Lý Chủ đặt tên con là Hoàng Ký, Ngô Việt Vương Tiên và các con đều nối nhau dùng chữ Hoàng (Hoàng Tông, Hoàng Thục, Hoàng Úc) mong đúng với Đồ sấm. Khi vua nhận ngôi đúng tên Hủy là Tuyên Tổ (Hoàng Khảo của Thái Tổ là Hoàng Ân, truy thụy phong là Tuyên Tổ. Theo Triệu Phổ Hoàng Triều Long Phi Ký).

Chu Thế Tông phá hủy Phật tượng (Thế Tông tự cầm đục phá lồng ngực của tượng Đại Bi ở Trấn Châu) nên bị ung nhọt mọc lên ở lồng ngực mà chết. Lúc đó Thái Tổ, Thái Tông đều thấy tận mắt. Có lần hỏi Thần Tăng Ma Y Hòa thượng rằng: “Nay hủy diệt Phật pháp thì đâu phải là phước cho xã tắc?” Ma Y bảo: “Đâu không nghe cái họa của ba vua Võ ư?” Lại hỏi: “Khi nào thì thiên hạ được bình định?” Sư bảo: “Khí Đỏ đã ứng điềm, khoảng Thìn Thân sẽ có chân Chúa ra đời, Phật pháp cũng rất hưng thịnh” (sau đó Thái Tổ được nhường ngôi vào ngày Giáp Thìn, tháng giêng năm Canh Thân, ứng nghiệm đúng điềm này).

Xử sĩ Trần Bác ẩn cư ở Hoa Sơn, đóng cửa nằm suốt nhiều tháng không dậy. Cuối năm Hiên Đức, ông cởi loa trắng sắp vào Đông đô. Giữa đường nghe tin Thái Tổ lên ngôi, liền cười lớn bảo rằng: “Thiên hạ từ nay đã định.”

Khi vua mới lên ngôi thầm nghĩ Phật là Đạo gì mà thiên hạ quý kính đông đảo thanh hành như thế? Có lần vua vi hành đến chùa Tượng Quốc, thấy một vị Tăng say nằm ối mưa ngoài cửa chùa, mắng chửi

thô tục khó nghe. Vua nổi giận vừa bước qua thì bị vị Tăng ôm lại bảo rằng: “Chớ ghét, chiều nay sẽ phát tướng, nên về gấp!” Vua lo lắng trở về rồi ngầm sai người đến theo dõi bảo lấy chất nôn ói đem về. Khi đến nơi thì vị Tăng say đã biến mất, Sứ bèn lấy chất nôn ói đem về. Vua nhìn kỹ thì đó là chất sữa rất thơm. Vua than thở không ngớt, càng tôn kính Phật pháp (bốn việc trên đều trích ở Thái Thị Tông Đàm).

Vua ban chiếu lấy ngày mười sáu tháng hai là ngày sinh nhật vua làm Tiết Trường Xuân, ban yến tiệc cho bách quan ở chùa Tướng Quốc, Tể tướng Phạm Chất viết bài sớ chúc Thánh Trai rằng: Ráng đẹp hiện điềm lành báo việc Thánh Đế sinh (Đức Phật hạ sinh thì có Bạch tượng làm lóa mắt. Khi diệt độ thì có mười hai luồng ráng trắng. Nay việc Phạm Công dùng là lấy ở nơi khác). Ngựa linh xanh biếc báo điềm Luân vương ra đời (khi Kim Luân vương ra đời thì bảy báu tự đến, ngựa xanh báu cũng là một thứ trong đó). Nếu không phải là bậc oai linh kinh động tứ thiên thì đâu đủ sức cảm báu tự nhiên (Kim Luân vương thống trị cả Tứ Vương Thiên hạ không phải là bậc tôn quý trong ba cõi thì ai được điềm lành hy hữu (Phật là Đại sư của Tam giới), thọ mạng đồng với trăm ức núi Tu-di, đức trạch bao trùm cả tam thiên thế giới, cát sông Hằng còn tính được, phước lộc của Phật vô cùng, biển mực dẫu khô nhưng Hoàng Cơ càng vững chắc... Ngày ấy dùng Ân Khánh Đản, vua ban chiếu khắp độ người trẻ tuổi xuất gia được tám ngàn người (Quốc Triều Hội Yếu).

**Khen rằng:** Phạm Công vì là bậc danh Nho có thanh đức mà làm Tá Mạng Thủ Tướng khi dùng lời chúc tán Khánh Đản, thì toàn dùng Phật Điển ngụ ý quý đẹp để kính Phật, trọng vua. Có người thấy luận này thì cho rằng: Rõ ràng là một Lễ Hội mừng bốn biển thống nhất, đều là điềm lành báo Phật và Bồ-tát ra đời.

Tháng sáu, vua ban chiếu cho tự viện các Lộ, nơi nào năm Hiển Đức thứ hai chưa phá bỏ thì được cho để nguyên. Còn chùa nào bị phá hủy thì bao nhiêu tượng Phật đã di dời đều cho giữ lại. Do đó các tượng đồng cốt giấu trong nhân gian dần dần xuất hiện.

**Khen rằng:** Từ khi có Phật pháp đến nay, những nước có Đạo chưa từng không tôn kính Phật giáo để dạy dỗ thiên hạ. Vua Thái Tổ khi xưa thấy Chu Triều phá tượng, buồn thương than rằng: “Khiến hủy diệt Phật pháp rất không phải là phước của xã tắc.” Đến khi vua lên ngôi báu thì vội vàng ban chiếu phục hưng. Có thể nói ông vua có Đạo tất Phật pháp hưng thịnh.

Tháng mười, vua thân chinh phạt Lý Trọng Tấn ở Dương Châu.

Tháng mười hai thành bị hãm, vua lấy cố chúng ngoan cố chống cự, muốn đem chôn sống tất cả. Bỗng có vị Tăng lạ đến trước cửa Hành Cung tự xưng là Thanh Phạm ở chùa Long Hưng dâng biểu xin tha thứ, vua chấp thuận. Sáng hôm sau vua xa giá đến chùa tìm hỏi thì thấy trên điện có một tượng La-hán tay cầm biểu chương. Vua chột tỉnh, bèn ra sắc lệnh cất một điện riêng để thờ tượng ấy (Quảng Lăng Chí).

Ngô Việt Vương Tiên Thục có bả tính rất kính Phật, mộ việc tạo tháp A-dục vương, dùng vàng đồng và gang tốt đúc tám vạn bốn ngàn tháp, bên trong tháp để Ấn Tâm Chú Kinh trong một cái hộp báu nhỏ, công năng của chú này nói: “Người tạo tượng tạo tháp để thờ chú này liền thành bảy báu tức là kính thờ toàn thân xá-lợi của ba đời Như Lai” đem phân bố khắp trong nước, mười năm sau mới xong (nay các chùa Tăng nhà Tục đều có thờ tháp này).

Khi xưa, các giáo quyền Thiên Thai trải suốt năm đời loạn lạc bị hư hao mất mát khá nhiều. Ngô Việt Vương Thục liền sai sứ đến các nước Cao Ly, Nhật Bản tìm kiếm. Khi đó nước Cao Ly sai Sa-môn Đế Quán đem các văn Luận Sở đến Loa Khê yết kiến ngài Tịch Pháp sư, thế là một Tông Giáo Văn lại trở về Trung Quốc. Ngài Loa Khê bèn trao lại cho ngài Bảo Vân, Bảo Vân trao lại cho ngài Pháp Trí, Pháp Trí bèn luận giảng rộng rãi và nổi danh là bậc Trung Hưng Giáo Quán (Ngô Việt Vương Truyện).

Năm Kiến Long thứ hai, vua ban chiếu những ai trước đây bị chết trong khi đánh Lý Trọng Tấn, nay lấy Hành Cung ở Dương châu lập chùa Kiến Long để cầu siêu độ, như sự việc của Đường Thái Tông đã làm trong năm Chánh Quán thứ tư (Năm Chí Đạo thứ ba, Quận Thú là Dương Võ Xưng đã soạn văn bia). Vua lại ban chiếu trong dân gian từ tháng hai đến tháng chín bắt cá bắn chim phải được lệnh.

Tháng tư, vua đến chùa Tướng Quốc cầu mưa, đưa người hầu đến thiết trai đãi ngàn Tăng, rồi thì có mưa to.

Ngô Việt Vương Thục thỉnh Diên Thọ Thiền sư làm chủ chùa Vĩnh Minh (nay là chùa Tịnh Từ ở Tiền Đường). Hằng ngày Sư lần chuỗi niệm Phật. Có người học đến tham vấn thì Sư lấy Tâm làm Tông, lấy ngộ làm phép tắc. Sáng chiều Sư lên một đỉnh núi riêng mà hành đạo niệm Phật. Chúng nghe trong núi có tiếng thiên nhạc. Ngô Việt Vương cảm kích chuyên chí của Sư bèn làm điện Tây phương Trang Nghiêm để Sư hoàn thành chí nguyện. Sư lấy những chỗ đồng dị của ba Tông Hiền Thủ, Từ Ân, Thiên Thai, rồi mời các môn đồ rành giáo Pháp của ba Tông ấy rộng xem xét các nghĩa và chất vấn lẫn nhau. Rồi

Sư lấy Tông Tâm cân nhắc phê phán. Lại tập hợp hơn sáu mươi bộ Đại thừa kinh luận và lời bình giảng của ba trăm nhà Thánh hiền hai nước để chứng minh cái ý chỉ Duy Tâm. Sư lại làm sách cả một trăm quyển đặt tên là Tông Cảnh để lưu truyền ở đời (Thọ Thiên sư Truyện).

Năm thứ ba, tháng năm, có hạn hán. Vua đến chùa Tướng Quốc cầu mưa. Vua ban chiếu cho Triệt Lạc Thái Quan dâng cơm chay thì trời mưa to.

Sa-môn Thiện Danh... bảy người ở nước Vu-điền tại Tây Vực đến, vua ban chiếu mời ở chùa Tướng Quốc.

Sở Vương Chu Hành Phùng chiếm cứ Đàm Châu cuối cùng bị giết. Song vua biết thờ Phật, độ Tăng, Trai sám không ngớt, thấy Sa-môn liền làm lễ, tự tay dọn ăn, gọi tả hữu nói rằng: “Ta có giết người nhiều lắm, nếu không nhờ Phật lực sao được giải oan?”

Tháng mười một, nước Cao Xương sai Tăng Pháp Uyên đến hiến răng Bích-chi-phật và đồ đựng bằng ngọc.

Năm Càn Đức thứ nhất, ngài Loa Khê Tịch Pháp sư truyền pháp môn Chỉ Quán cho ngài Nghĩ Thông Pháp sư.

Năm thứ ba, Sa-môn Đạo Viên ở Thương Châu đi du ngoạn Ngũ Thiên Trúc, đi và về mười tám năm. Khi trở về có sứ giả nước Vu-điền cùng đến Kinh châu, hiến tặng xá-lợi Phật và Kinh Phạm lá bối. Vua mời vào gặp, nhân tiện hỏi thăm phong tục Tây Vực, rồi ban cho Tử y, đồ dùng và tiền lụa.

Đặc Tấn Lý nhờ tâu rằng Hùng Võ Thôi Quan Nguyễn Thiệu Trang mộng thấy Vân Môn Thiên sư khiến dâng biểu lên vua xin mở tháp. Vua ra chỉ ứng thuận. Quan Thú Thiệu Châu mở ra thấy nhục thân của Sư tươi nguyên như còn sống, bèn đón về Cung Khuyết cúng dường. Được một tháng liền sai Sứ đưa về núi và sắc thụ phong là Đại Từ Nguyên Chân Hoàng Minh Thiên sư (Sau đó không thấy ghi chú chỗ trích dẫn, phần lớn đều coi là ở Quốc Triều Hội Yếu).

Năm thứ 4, vua ban chiếu rằng Tần và Lương đã thông, có thể sai Tăng đến Tây Trúc cầu pháp. Khi đó Sa-môn Hành Cần một trăm năm mươi bảy người vâng chiếu vua đi qua các nước Yên Kỳ, Quy Tư, Ca Di La,... Vua ban chiếu thư khiến người đi tiền đạo và ban cho mỗi vị trang phục cùng ba ngàn vạn tiền (lời ghi là: Hành trang tiền tam thập quán).

Vua ban chiếu cho Tây Xuyên Chuyển Vận Sứ là Thẩm Nghĩa Luân ở Ích Châu dùng chữ vàng bạc để viết Kinh Kim Cang dâng lên vua. Khi ấy vua mời Sa-môn Sùng Uẩn ở chùa Thiên Thanh vào Nội

điện diển giảng. Khu Mật Sứ Thẩm Nghĩa Luân thờ Phật ăn trường trai, mùa Hạ ngồi yên cho muỗi cắn. Có người cho là khổ. Ông nói thấy muỗi đói bu vào không nỡ đuổi đi. Lúc đó những kẻ làm quan phần lớn đều xin cất nhà, riêng Nghĩa Luân chỉ xin cất chùa cho mẹ tu, vua than thở khen rồi chấp thuận.

Vua ra sắc Nội Thị Trương Trọng Tấn đến chùa Phổ Hiền ở núi Nga Mi để sửa chữa trang nghiêm Phật tượng, nhân vì Gia Châu đã tâu nhiều lần là có thấy hình tướng Đức Phổ Hiền ở chùa Bạch Thủy. Nga Mi Chí nói rằng: Xưa có Bồ Ông nhân vào núi hái thuốc nhìn lên ngọn núi thấy có mây ngũ sắc và có ánh sáng trắng phóng ra. Bỗng có một con nai đi trước dẫn đường đưa ông lên ngọn núi rất cao thì thấy chân tướng của Đức Phổ Hiền Đại Sĩ, hiển tích từ đó.

Ở Phủ Hà Nam, Tiến Sĩ Lý Ái viết Diệt Tà Tập để hủy báng Phật giáo, trộm Tạng Kinh để làm chẵn. Vua nghe tâu bèn cho là quấy đã hủy báng Thánh Đạo, dối gạt bá tánh, bèn ban sắc đày ra đảo Sa-môn (trong biển ở Đẳng Châu - Theo Luật xưa để làm chỗ ở của tù nhân. Ở lâu có người nhảy xuống biển. Triều vua Thần Tông có Quận Thú Mã Mặc xin từ nay về sau những kẻ tù tội đó được dời về ở Đẳng Châu, vua chấp thuận).

**Bàn rằng:** Nhà Nho có kẻ bài Phật vì chưa từng đọc kinh Phật mà thôi. Nếu bảo họ xem qua, biết chút ít, tất có thể khâm phục cái Đạo vi diệu ấy. Lý Ái viết Luận bảo Phật là tà, là bởi cái dư ba của Phó Dịch và Hàn Thoái Chi chê Phật là mọi rợ. Nếu không có Minh Quân thì ai có thể xét được điều lầm lẫn ấy, đày hấn ra hải đảo không phải là điều bất hạnh vậy.

Năm Kiến Long thứ năm, vua ban chiếu rằng: Từ ngày cấm chỉ đến nay nhiều người chở tượng Phật về kinh, mắng nghĩ đời tượng pháp nên để mọi người chiêm ngưỡng tôn kính, nhưng có kẻ phá khuôn đúc tượng rất trái việc quý kính. Nên nay cho các Quận nơi nào có tượng đồng thì được giữ nguyên như cũ, chỉ không cho đúc các tượng mới mà thôi.

Hữu Nhai Ứng Chế Sa-môn Văn Thắng vâng lệnh vua biên sửa Đại Tạng kinh, sắp xếp theo hòm gồm có sáu trăm sáu mươi quyển.

Vua ban sắc ở Lai Châu, Đạo sĩ Lưu Nhược Chuyết được làm Hữu Nhai Đạo Lục, tập họp các Đạo sĩ vào kinh Sư để thi đạo nghiệp nhưng các Đạo sĩ chưa đến thì đã bãi lệnh.

Năm Khai Bảo thứ hai, nhân Tiết Trường Xuân, vua ban chiếu cho Sa-môn trong thiên hạ vào điện khảo thí mười điều nghĩa Kinh Luận



Luật, ai trúng tuyển đủ các môn được ban cho Tử y.

Năm thứ tư tháng ba, vua thân chinh Thái Nguyên đánh Lưu Kế Nguyên, đi theo đường Lộ Châu, qua viện của Ma Y Hòa thượng. Vua đích thân khẩn với Phật rằng: “Chuyến đi này để chinh phạt kẻ tàn bạo, nguyện xin không giết oan một người”. Kế Nguyên nghe chuyện liền cực lực chống trả. Xa giá vua đến dưới thành, quân sĩ tiến công đánh phá. Lúc đó thành Thái Nguyên giữ rất chắc chắn. Bác Sĩ Lý Quang Tán khuyên vua hồi loan, Tể Tướng Triệu Phổ cũng cho là đúng, vua bèn rút quân về.

Xử Sĩ Trần Đoàn học môn Dịch với Ma Y Đạo Giả, được thuật Chánh Dịch Tâm Pháp bốn mươi hai chương, lý suốt cả trời người và đã chê trách lỗi các Tiên Nho. Trần Đào bắt đầu chú thích. Đến khi học được về Quyết Hà Đồ Lục Thư thì phát minh ra bí thuật của Dịch Đạo. Các Nho sĩ đời Hán, đời Tấn như Trịnh Khang Thành Kinh Phòng, Vương Bặc, Hàn Khang Bách... đều chưa biết được. Quyết đó nói rằng: Đội chín, đập một, tả ba, hữu bảy, hai bốn là vai, sáu tám là gối, dọc ngang đều mười lăm, mà năm chỗ ở là nhà. Cái đồ hình này ngang dọc, ngay lệch, hồi hợp cùng đắp đổi cho nhau, tùy ý tính toán, đều được mười lăm. Lưu Mục nói: Không phải là chỗ người trí có thể ngụy tạo. Trước hết Trần Đoàn truyền cho Trọng Phóng, Phóng truyền cho Lý Khái, Khái truyền cho Hứa Kiên, Kiên truyền cho Phạm Ngạc Xương, Ngạc Xương truyền cho Lưu Mục, mới làm Câu Ẩn Đồ mà thuật lại.

**Bàn rằng:** Hệ Từ có nói: Hà sinh ra Đồ để nêu cái tên của nó. Theo hàng để biến đổi lẫn lộn các số, là biểu hiện cái thể của nó. Đây là Phu Tử hiển bày văn Hà Đồ. Đời Hán có sách luận về Hà Đồ rằng: Lấy Thái Nhất để hành chín cung, bốn hướng chánh bốn hướng phụ và trên dưới là mười, đều có năm. Dịch Vĩ này nêu rõ cái số của Hà Đồ. Trong khoảng năm quý có Phương Phục thì Y Ma là hiểu rõ về Dịch Đạo hơn cả. Bèn đầu tiên phát minh ra bí thuật của Hà Đồ rồi đem truyền cho Hy Di. Hy Di mới viết ra Quyết để truyền trên đời. Song người đời phần đông đều thuật lại được lời của Hy Di mà không biết cái nghĩa gốc của nó là lấy ra từ Dịch Vĩ của Hệ Từ. Nay lấy đó làm Quyết thì trên hợp với Văn về Dịch Vĩ Cửu Cung Thập Ngũ. Lại đem Dịch Vĩ mà tham cứu cái thuyết Hệ Từ theo hàng để biến đổi thì không thứ nào là không thuận hợp. Về văn của Hệ Vĩ quá tóm lược và sâu kín nên người đời thường không hiểu được, chỉ riêng Ma Y là hiểu được cái kỳ diệu đó nên biết việc của hai ngàn năm sau và thay trời truyền trao (Văn Hà Lạc nay thấy ở phần trước của kinh Dịch).

Trần Đoàn ở Hoa Sơn. Tiền Nhược Thủy thi rớt bèn đến yết kiến Trần Đoàn. Đoàn đón vào núi đãi cơm chay, thấy có vị lão Tăng mặc áo nạp quạt lửa. Nhược Thủy vái chào, vị Tăng chỉ mở mắt nhìn không nói gì. Ngồi hồi lâu Đoàn hỏi: “Thế nào?” Vị Tăng đáp: “Không có pháp Tiên cốt. Nhược Thủy cáo lui”. Đoàn dặn rằng: “Ba ngày sau thì trở lại”. Đúng hẹn Nhược Thủy bèn đến. Đoàn bảo: “Ta mới thấy thần quan của ông trong sáng có thể học đạo Tiên được. Nên thỉnh Quyết với Lão Tăng”. Vị Tăng nói: “Ông ấy không có Tiên cốt, chỉ có thể làm hàng Công Khanh sang trọng rồi cũng rút lui sớm mà thôi”. Thủy hỏi: “Vị Tăng là ai?” Đoàn đáp: “Đó là thầy ta, Ma Y Đạo Giả đấy (Tương Sơn Dã Lục - Trong Đồng Vi Chí nói: Tăng là Tông Duệ của Bạch Cáp Đạo Giả).

Sa-môn Kiến Thành từ Tây Vực trở về, đến Cung Khuyết dâng lên vua kinh Phạm lá bối, cùng đi có Phạm Tăng Mạn-thù-thất-lợi. Thất Lợi là con vua nước Trung Thiên Trúc. Vua ban chiếu mời ở tại chùa Tướng Quốc. Ông giữ Luật rất tinh nghiêm, người thành đô dâng cúng tiền của đầy tịnh thất nhưng ông không để ý đến.

Vua ban sắc cho Cao Phẩm Trương Tùng Tín đến Ích Châu khắc bản in Đại Tạng Kinh. Năm thứ năm, vua ban chiếu cho Tăng và Đạo sĩ mỗi khi tập họp ở triều đình thì Tăng trước Đạo sĩ sau. Khi cùng đứng ở điện Đình thì Tăng đứng ở phía Đông, Đạo sĩ ở phía Tây, trong đó các Phó chức đứng xen nhau. Nếu gặp lễ tế trời ở Nam Giao thì Đạo đứng bên Tả, Tăng đứng bên Hữu (Tăng Sử Lược).

	Bắc	Vua	Tăng	rồi	Tăng	Đạo tả	
			Đạo		Đông	Tế Giao	Nam
					Điện đình		
					-----	-----	
					Đạo Tây	Tăng hữu	

**Bàn rằng:** Tả Hữu tức là Đông Tây vậy. Ngày tế trời thì Đạo sĩ ở bên trái, vì Đạo sĩ là nối sau ban triều tiền việc thiết lễ cúng lạy, cho nên tạm xếp ở bên trái, không phải là phép thường dùng. Đây là nói để nghe thôi. Ngoan Không nói chức sự là ở người, được là ở Lễ Bộ.

Vua ban chiếu mời các bậc Danh đức như Huyền Siêu... ở kinh thành vào đại nội tụng Đại Tạng Kinh chữ vàng. Vua xa giá đến dự và ban cho Tử y.

Vua ban chiếu rằng: Tăng Ni không gián cách nhau tất có rối loạn



giáo pháp. Từ nay khiến chùa ni lập Đàn truyền giới do Đại Đức Ni chủ trì.

**Bàn rằng:** Triều đình luận việc chỉ muốn phân biệt Tăng Ni mà không biết Nữ Ni khi thọ giới phải nương vào Đại Tăng, không có luật cho lập giới đàn tự thọ. Đây là cứu được cái tệ hại nhất thời mà không thể coi là phép tắc được. Nên nay không theo cách này nữa.

Vua ban chiếu rằng: Gốc của Phật vốn quý việc thanh vắng, trong chốn chùa chiền đâu nên ế tạp, muốn mở mang sùng kính phải rất tinh nghiêm. Như nay nghe trong chốn đạo tràng trai hội, đêm đến tập họp rất nhiều nữ sĩ rất tạp nhạp xô bồ không ích gì cho việc tu trì. Nên nay khiến Công Đức Ty Tự Bộ khuyến cáo các Lộ cần nên nghiêm cấm.

Vua ban sắc Tăng và Đạo sĩ đều lệ thuộc Công Đức Sư. Người xuất gia cầu độ cần phải khảo thí kinh nghiệp, liên hệ với Từ Bộ để cấp Diệp.

Có ba Sa-môn ở Thiên Trúc là Khả Trí, Pháp Kiến và Chân Lý cùng đến Triều, vua ban cho Tử y. Sa-môn ở Tây Thiên Trúc là Tô-cát-đà đến cống hiến xá-lợi và hoa Văn thù, vua ban cho Tử y và tiền vàng.

Tháng sáu, ngài Thiên Thai Đức Thiều Quốc Sư viên tịch, thì có sao lớn sa xuống ở đỉnh núi, trời lại có tuyết lớn. Sư đặc pháp với ngài Thanh Lương Pháp Nhân (đời thứ mười dòng Thanh Nguyên). Sa-môn ở Tây Thiên Trúc là Di-la... mười bốn vị đến triều, vua đều ban cho Tử y.

Năm Kiến Long thứ sáu, tháng tám, tại hang gió ở Nhữ Châu, ngài Thiên sư Diên Chiêu viên tịch, Sư đặc pháp với ngài Nam Viện (đời thứ tám dòng Nam Nhạc).

Tri Phu Châu là Vương Quy Tùng dâng biểu lên vua nói rằng ngài Tam tạng Pháp Thiên ở Trung Thiên Trúc đến, đã dịch Thánh Vô Lượng Thọ Kinh, Thất Phật Tán. Sa-môn Phạm Học Pháp Tấn ở Phủ Hà Trung chấp bút sửa văn, Quy Tùng nhuận sắc. Vua ban chiếu mời ngài Pháp Thiên đến cung Khuyết để thăm hỏi ủy lạo và ban cho Tử y.

Năm thứ bảy, tháng hai, ngài Vĩnh Minh Thọ Thiên sư thị tịch, vua thụy phong là Trí Giác, Sư đặc pháp với ngài Thiều Quốc Sư. Nước Cao Ly sai ba mươi sáu vị Tăng đến học đạo. Do đó Tông Pháp Nhân rất thanh hành ở hải ngoại mà Trung Quốc thì mất dấu.

Năm thứ tám, tháng ba, vua đến Lạc dương, đến chùa Quảng Hóa tại núi Long Môn, khai quật Tháp ngài Tam tạng Vô Úy, chiêm kính nhục thân. Tháng tư, vua sắp tế trời thì mưa không ngớt, bèn sai sứ khẩn

cầu ở tháp ngài Vô Úy, đúng hẹn thì mưa ngưng (Ngài Tam tạng Vô Úy từ Tây Thiên đến vào năm Khai Nguyên bốn đời Đường, làm Giáo Chủ suốt hai mươi ba năm ở Trường An, khi tịch diệt tháp ở Long Môn tại Lạc Dương).

Từ Lạc Dương vua trở về kinh sư, chính tay viết kinh Kim Cang để thường đọc tụng. Tể Tướng Triệu Phổ nhân tâu các việc nghe thấy. Vua bảo: “Không muốn cho kẻ giáp trụ biết chỉ nên nói là ta thường đọc binh thư”.

**Bàn rằng:** Hán Cao Tổ cùng Hàn Bành lấy thiên hạ, luận công trạng liền phong Vương và mấy mươi thành, nhân đó mà mưu phản, cuối cùng thì bị giết chết. Quang Võ phong công cho bảy tột Đặng Vũ, người lớn nhất không quá mấy huyện để dễ chế phục, nên trên dưới không có ý khác, thật là người trí vậy. Đức Thái Tổ ta rất khéo chế phục anh hùng, khiến cho Thạch Thú Tín... cả mười anh em trong Nghĩa Xã chỉ trong khoảng tiệc rượu mà bỏ cả binh quyền. Ở nhà riêng hưởng lộc để sống nốt cuộc đời thừa. Trên không lỗi ân nước mà, dưới không mất lễ bảy tột, hơn cả vua tôi hai đời Hán xa lắm. Đến như việc ở sâu trong cung cấm thường tụng kinh Phật mà chỉ muốn kẻ giáp sĩ biết rằng mình đọc binh thư. Đó lại càng dùng uy của nhân từ mà giữ nước. Thật là người trí vậy.

**Đời Thái Tông:** (con thứ ba của Tuyên Tổ, là em cùng mẹ với Thái Tổ. Bà mẹ nằm mộng thấy thần nhân bưng mặt trời để vào lòng, bèn có thai. Ngày mười bảy tháng mười là Tiết Càn Minh, chôn ở Lăng Vĩnh Hy).

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ nhất, vua ban chiếu phổ độ các người trẻ trong thiên hạ xuất gia cả thầy được mười bảy vạn người (Quốc Triều Hội Yếu).

Chân Quân truyền pháp, lập Đàn thì có chín Đàn, ba Đàn trên để cầu cho Quốc gia.

1. Đàn Thuận Thiên Hưng Quốc có ba ngàn sáu trăm Tinh Vị, để đại tế Phổ Thiên.

2. Đàn Diên Tộ Bảo Sinh có hai ngàn bốn trăm Tinh Vị, để đại tế chư Thiên.

3. Đàn Kỳ Cốc Phước Thời, có một ngàn hai trăm Tinh Vị để đại tế La Thiên.

Ba Đàn giữa là để cầu cho Bá Quan:

1. Đàn Huỳnh Lục Diên Thọ, có sáu trăm bốn mươi Tinh Vị.

2. Đàn Huỳnh Lục Trăn Khánh, có bốn trăm chín mươi Tinh Vị.
  3. Đàn Huỳnh Lục Khử Tà, có ba trăm sáu mươi Tinh Vị.
- Còn ba Đàn dưới để cầu cho sĩ thứ:
1. Đàn Tục Mạng, có hai trăm bốn mươi Tinh Vị.
  2. Đàn Tập Phước có một trăm hai mươi Tinh Vị.
  3. Đàn Khước Tai có tám mươi một Tinh Vị.

Có các thứ cờ xí, gương kiếm, cung tên, pháp vật đều bày đủ nghi phạm, mỗi thứ đều có cao thấp... Chân Quân nói: Các trời, vạn Tiên, chúng Phạm, Phật đều đến châu Thượng đế ở điện Thông minh. Lại nói: Phật ở trong Tam Thanh chỉ có ở trời Phạm thiên, đối với Thượng đế như Cửu Khanh thờ vua vậy.

**Bàn rằng:** Phàm Phật và Lão nói về trời thì tên không giống nhưng thể thì đồng. Như Lai là bậc Thánh nhân thấy đúng thực cùng tột cả ba cõi. Nhưng các sách của Đạo Gia thì cạn cợt không biết nên Tên và Thể đều không đồng. Như Kinh Độ Nhân và các sách Đạo thì có người bảo ba mươi sáu cõi trời, tức Dục giới có sáu, Sắc giới có mười tám và Vô sắc giới có bốn, hai mươi tám cõi trời này là ở trong Tam giới, còn bị sinh tử. Ở trên nữa thì có bốn cõi Phạm Thiên là ở ngoài Tam giới đã dứt hết nạn sinh tử. Lại trên nữa thì có ba cõi Tam thanh, cao tột nhất là trời Đại la. Những lời này dầu muốn so sánh tên Tam giới của kinh Phật, nhưng đâu biết rằng Tứ phạm và Tam thanh là ngôi vị không có thực. Bởi khi nói ở ngoài Tam giới đoạn dứt sinh tử thì tức là Tam thừa và Phật mà thôi. Đâu thể cho đó là nhóm người luân chuyển trong các trời Tam thanh. Trương Vô Tận làm bộ Tức Tránh Luận, dẫn Huỳnh Đế Nội Thư nói rằng: Thái nhất tức là cái khí đầu tiên duy nhất (khí Nguyên Nhất) sinh ra đầu tiên ở trên Thái Hư. Có núi Ngọc Kinh, bốn phương đều có tám trời, cả thảy là ba mươi hai vua. Trên Ngọc Kinh, lại có Ngọc Thanh, Thượng Thanh, Thái Thanh. Trên ba Thanh này thì có mười trời Hư Hoàng để các Nguyên Lão, Nguyên Quân, Nguyên Tôn, Nguyên Chân... chín vua ở đó. Thiên Hoàng Chân Nhân giáng xuống Thiên Chân chín khí, phân làm sáu Nguyên mà tạo ra hiện tượng hỗn độn... Vô Tận đoán rằng: Phàm nói ba mươi hai vua ở núi Ngọc Kinh tức kinh Phật gọi trời Đạo-lợi ở đỉnh núi Tu-di. Còn trời Hư Hoàng tức kinh Phật gọi là trời Đại Phạm. Còn trời Tam Thanh tức kinh Phật nói về trời Không Cư. Trời Đại Phạm là chủ thế giới, không biết trên đó còn có các trời Quan Âm, mà nói rằng: Ta tạo ra các vật. Tạo ra các vật tức là có khí giáng xuống, đây là nguyên do Thiên Chân Cửu Hoàng giáng khí tạo ra thế giới này. Khí có âm dương thì người có nam nữ. Như

Đạo Gia tam Thanh đứng hầu có Kim Đồng, Ngọc Nữ. Cõi Không Cư Dục Giới này chính là Tam Thanh vậy. (Không Cư tức trời Dạ Mạ là Thái Thanh, Đâu-suất là Thượng Thanh, Lạc Biến Hóa là Ngọc Thanh, Tha Hóa Tự Tại là Đại La. Song sách Đạo nói là trời, thì tự có nhiều mâu thuẫn khó định). Lại Vương Khâm Nhược vâng chiếu vua soạn ra Dực Thánh Chân Quân Truyện, trong đó luận về Phật thì rất là sai trái. Như Dực Thánh nói rằng: “Các trời, vạn Tiên và chúng Phạm Phật đều đến châu Thượng đế”. Nhưng Phật là thầy của ba cõi, bậc tôn quý nhất trong hàng trời người, nơi Phật ở thì các Phạm Thiên, Đế Thích đều đến hộ vệ quy ngưỡng, thế mới biết Thiên đế phải thờ Phật. Nay truyện nói Phật đến châu Thượng đế thì rất là không giống ai. Dực Thánh tự nói là Phật giúp vua ở ngôi vị khá cao, thật chưa có lời nói nào vô lý đến thế. Khâm Nhược tự khoe là hiểu biết Phật mà lời trong truyện cũng chưa có lời này. Đây e là các Đạo sĩ không biết ngôi vị trời mà bịa ra lời này đem vào truyện, dù muốn tôn trời chê Phật nhưng lại để lộ ra việc vu cáo trời khinh mạn Phật, thật đáng răn dè thay!

Khi xưa, Chu Thế Tông dẹp chùa Long Hưng để làm kho của quan, có vị Tăng ở chùa Quốc Sơ đánh trống cầu xin lại. Vua sai Sứ cầm kiếm đến hỏi: “Đó là kho lúa từ lâu do tiền triều lập nên tại sao lại cứ làm phiền triều đình?” Vua ngầm bảo Sứ là hỏi mà vị Tăng sợ thì đem chém. Vị Tăng từ tốn trình bày rằng: “Tiền triều vô đạo phá tượng dẹp chùa nên nay chính nhờ Minh Quân phục hưng mà thôi, Bần đạo có sợ gì cái chết”. Sứ giả đem tâu, vua cảm kích khen ngợi bèn ra sắc sửa lại làm chùa (Loại Uyển).

Năm thứ hai, vua cho sửa chùa Long Hưng thành chùa Thái Bình Hưng Quốc và lập điện Khai Tiên để thờ hình Thái Tổ. Sa-môn Tây Thiên là Cát Tường đến dâng kinh Phật lá bối.

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba, tháng ba, vua ban ngạch cho các chùa trong thiên hạ đề là Thái Bình Hưng Quốc và Càn Minh.

Ở chùa Khai Bảo, Sa-môn Kế Tùng... từ Tây Thiên trở về hiến vua kinh Phạn, tháp xá-lợi Phật, lá cây Bồ-đề, phát trần lông Khổng Tước, vua đều ban cho Tử y. Tháng tư, vua ban chiếu thụ phong cho ngài Lô Sơn Viễn Pháp sư hiệu là Viên Ngộ, tháp là Ngưng Tịch, ban cho ngài Vĩnh Pháp sư hiệu là Giác Tịch, tháp là Thật Trí.

Sa-môn Bát-nạp-ma ở Trung Thiên Trúc đến hiến vua tháp Xá-lợi Phật và phát trần bằng lông đuôi Mao ngư. Con vua Tây Thiên là Mạn-thu-thất-lợi xin trở về nước. Vua ban chiếu: Tùy ý (Ông đến đây vào năm Khai Bảo thứ tư).

Hàn lâm học sĩ Lý Phưởng, Từ Huyền... dâng lên vua bộ Thái Bình Quảng Ký, trong đó chép về Phật pháp đến ba mươi quyển, bắt đầu từ đời Hán Minh Đế và chấm dứt ở đời Ngũ Đại. Từ xưa nay các chúng ngộ tâm đắc đạo, Thần Tăng học Kinh Luận Định Tuệ, việc vua tôi tin tưởng hay hủy hoại nêu bày tốt xấu... đều ghi chép đầy đủ.

Vua ban sắc cho Cung Phụng quan Triệu Dung đến Ngô Việt đón rước xá-lợi Phật ở tháp A-dục vương tại Minh Châu.

Ngô Việt Vương Thục dâng bản đồ về Triều. Vua khiến Tăng Thống Tấn Ninh rước tháp xá-lợi Phật Thích-ca vào triều kiến tại điện Tư Phước. Vua vốn nghe danh Sư đã lâu, ngày nhắc đến bảy lần, rồi ban cho hiệu là Thông Tuệ Đại sư (Tấn Ninh ở trong nước làm Lương Chiết Tăng Thống hiệu là Minh Nghĩa Tông Văn Đại sư).

Trừ Hàn Lâm cùng Học sĩ Đào Cốc đều trình bày: Có người chê trách rằng: Thanh Tỏa và Chu Doanh đâu thể dung hợp nhau được. Khi nói với Sư điều đó thì Sư viện dẫn căn cứ các kinh sử thao thao nói mãi không thôi. Người chê trách đó bèn sợ hãi kính phục. Học Sĩ Vương Võ Xưng Từ Huyền, mỗi khi có nghi vấn đến hỏi Sư đều rất bái phục và thờ Sư như thầy. Tại điện Tư Phước, vua bèn thờ Phật và Kinh Tạng, lại cho đúc chuông chùa, liền thành Nội đạo tràng (Quốc Triều Hội Yếu).

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm, tháng giêng, vua ban sắc cho Nội Thị Trưởng Đình Huấn đến Ngũ Đài Sơn ở Đại Châu tạo Vạn Tượng Bồ-tát Văn-thù bằng vàng đồng để thờ tại Viện Chân Dung.

Vua ban chiếu trùng tu mười chùa ở Ngũ Đài, mời Sa-môn Phương Nhuận làm Thập Tự Tăng Chánh. Mười chùa đó là: Chân Dung, Hoa Nghiêm, Thọ Ninh, Hưng Quốc, Trúc Lâm, Kim Các, Pháp Hoa, Bí Mật, Linh Cảnh, Đại Hiền. Ngũ Đài Sơn Ký nói: Hình núi năm ngọn đều năm trăm dặm, chập chùng cao ngất, thác tuôn nước mịt mù, ngọn Trung Đài cao bốn mươi dặm, trên đỉnh bằng phẳng bốn bề đều sáu dặm. Ở phía Tây bắc có ao Thái Hoa và Thạch Tinh Xá thờ tượng đá Văn-thù và Di-lặc. Ở phía Đông nam có chùa Đại Phù do Ngụy Văn Đế tạo ra có hai nhà Đông Tây để ở. Lại phía Đông bắc có chùa Vương Tử và tháp A-dục vương. Phía Đông bắc giữa ba Đài có Hang Kim Cang thờ Tam Thế Phật và Pháp Tạng. Phía Đông nam của Trung Đài có chùa Thanh Lương nơi sâu nhất là chỗ ở của Đức Văn-thù, người không dám đến gần. Ở ngọn núi cao phía Tây có hang Bí Ma. Ở phía Tây hang có chùa Phật Quang.

Vua ban sắc cho Nội Thị Trưởng Nhân Tấn đến Thành Đô đúc tượng Phổ Hiền bằng đồng vàng, cao hai trượng, đem thờ ở chùa Bạch

Thủy Phổ Hiền, tại núi Nga Mi ở Gia Châu, xây gác cao mà che bên trên. Vua ra chiếu trùng tu năm chùa ở núi Nga Mi, tức các chùa Bạch Thủy Phổ Hiền, Hắc Thủy Hoa Nghiêm, Trung Phong, Càn Minh và Quang Tướng. Ba ngọn núi Nga Mi cao hơn Ngũ Nhạc, đẹp nhất chín châu. Tây Trúc Thiên Tuế Hòa thượng nói rằng đây là núi đẹp nhất của nước Chấn Đán.

Sa-môn Pháp Tấn ở Phủ Hà Trung thỉnh Tam tạng Pháp Thiên dịch kinh ở Bồ Tân (Phủ Hà Trung ở Bồ Châu). Quan Thú dâng biểu khen Pháp Tấn, vua xem biểu rất mừng bèn mời về kinh sư, từ đó việc dịch kinh bắt đầu hưng thịnh.

Tháng hai, ở Bắc Thiên Trúc, ngài Tam tạng Thiên Túc Tai nước Ca Thấp Di La và ngài Tam tạng Thi Hộ nước Ô Điền Năng đến, vua mời vào ban cho Tử y và sắc lệnh hai Sư cùng xem kinh Phạm. Lúc đó vua rất quan tâm đến việc phiên dịch, bèn ra chiếu cho Trung Sử Trịnh Thủ Quân xây viện dịch kinh ở phía Tây chùa Thái Bình Hưng Quốc làm ba nhà. Dãy giữa để dịch kinh, dãy phía Đông để nhuận văn, dãy phía Tây để chứng nghĩa.

Tháng năm, Sa-môn Hộ La ở Trung Thiên Trúc đến, hiến kinh Phạm lá bối. Vua ban cho Tử y.

Sa-môn Tri Tắc dâng lên vua bộ Thánh Vô Lượng Thọ Kinh Sơ do mình soạn ra. Vua ban cho hiệu là Diển Giáo Đại sư.

Vua ban chiếu lập chùa Khai Thánh Thiên ở đất Phật giáng sinh, thờ tượng Phật Chiên-đàn của vua Ưu-điền (là tượng Lương Võ Đế sai Hắc Khiên đến Thiên Trúc thỉnh về) và rằng Đức Thích-ca mà vua Thái Tổ đã tự tay bịt bạc để trong tháp (Tuyên Luật Sư đời Đường được trời người tặng) và các thứ nhục thân, tích tượng, dao gậy của Chí Công đời Lương.

Vua sắc lệnh cho Nội Thị Vệ Khâm đến Tứ Châu sửa Tháp Tăng-già Đại sư, tháp gồm mười ba tầng, đổi chùa Phổ Chiếu Vương thành chùa Thái Bình Hưng Quốc.

Năm thứ bảy, tháng giêng, Oai Lỗ Quân tâu rằng: Khi xây thành đào đất được năm hộp bằng đá, sắt, đồng, bạc, vàng đều rất nặng, trong đó có chứa bình lưu ly đựng đầy xá-lợi Phật. Có bảng đá khắc lời ký rằng: Năm Trinh Quán hai mươi mốt thờ xá-lợi Phật. Cẩn thận sai Nha lại tuân hành.

Ở Gia Châu, có Thông Phán Vương Cồn tâu rằng: Khi đi gần đến Nga Mi gặp chùa Bạch Thủy đang sửa chữa, thì thấy trong núi Ngõa Ốc đều biến thành sắc vàng ròng, trong đó có Kim Thân Đức Phổ Hiền



trượng sáu. Khoảng giờ ngọ hôm sau thì thấy có hai vị La-hán nường đám mây tím đi trên không trung.

Thâm Châu tâu vua rằng: Người ở Huyện Lục Trạch là Vương Chử chặn bò trong ruộng, thấy một con thỏ trắng chạy xuống hang. Khi đến hang tìm thì được năm mươi tượng Phật bằng đá, kiểu cách rất xưa đều cao hơn một thước. Vua ra sắc lệnh đem về thờ ở chùa Ấp, các tượng thường phóng ánh sáng trắng.

Tháng sáu, viện dịch kinh đã xây xong, vua ban chiếu mời ngài Thiên Tức Tai đến ở và ban cho Thiên Tức Tai tên là Minh Giáo Đại sư ban cho ngài Pháp Thiên tên là Truyền Giáo Đại sư, ban cho ngài Thi Hộ tên là Hiến Giáo Đại sư. Khiến họ đem Phạm bản mỗi người dịch một Kinh. Lại chiếu cho Phạm Học Tăng là Pháp Tấn, Thường Cẩn, Thanh Chiêu... bút thọ chuyết văn. Quang Lộc Khanh Dương Thuyết, Binh Bộ Viên Ngoại Lang Trương Kịp nhuận văn; Điện Trực Lưu Tố giám hộ, Thiên Tức Tai soạn nghi thức dịch Kinh. Ở mặt Tây của Đông Đường thì bày ra Thánh Đàn (làm Đàn để trang sức cho Tạng Kinh), mở cả bốn cửa, mỗi cửa có một Phạm Tăng làm chủ trì Bí mật chú suốt bảy ngày đêm. Lại lập ra Mộc Đàn bày ra hình vành xe để tên họ Thánh hiền (Đàn có hình tròn rồi theo thứ tự bày ra danh tự ngôi vị của Phật, Bồ-tát, Thiên thần... vây quanh như hình vành xe) gọi là Đại Pháp Mạn-noa-la (Hán dịch là Đại hội), a-già của Thánh Hiền (Hán dịch là đồ đựng, tất cả đồ đựng cúng dường đều gọi là a-già. Nay nói a-già là đồ để tắm gội), bày đủ hương hoa, đèn nước và các thứ quả cúng, lễ bái nhiều quanh, cầu xin ngầm phù hộ dứt hết ma chướng.

Vị thứ nhất là Dịch chủ ngồi chính giữa ngó mặt ra ngoài đọc Phạm văn, vị thứ hai là Chứng nghĩa ngồi bên trái cùng Dịch chủ bình luận cân nhắc tiếng Phạm. Vị thứ ba là chứng văn ngồi bên phải nghe Dịch chủ lớn tiếng đọc tiếng Phạm để biết đúng sai. Vị thứ tư là thư ký Phạm Học Tăng nghe xét tiếng Phạm viết thành chữ Hoa, cũng là tiếng Phạm (như dịch là Hột-ri-na-dã; dịch là Tố-đát-lãm). Vị thứ năm là Bút thọ thì phiên dịch âm Phạm thành tiếng Hoa (như Hột-ri-na-dã dịch là Tâm, Tố-đát-lãm dịch là Kinh). Vị thứ sáu là Chuyết văn xét lại văn tự khiến nó thành Cú nghĩa (câu có nghĩa) (như Bút thọ nói: “Chiếu kiến ngũ uẩn bỉ tự tánh không kiến dã” thì ghi là “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không.” Phần lớn tiếng Phạm đều tiếng trước là mà tiếng sau là như niệm Phật là Phật niệm, đánh chuông là chuông đánh. Cho nên cần chuyển đổi câu chữ để thuận với văn ở cõi này). Vị thứ bảy là Tham dịch, là tham khảo văn tự của hai nước để khỏi lầm. Vị thứ tám là Phán



định, tức thiếu thừa, dài ngắn thì chọn lấy cú nghĩa (như Vô vô minh vô minh là thừa hai chữ, Thượng Chánh Biến Tri là trên chữ Thượng thiếu chữ Vô). Vị thứ chín là Nhuận văn. Do quan thay mặt vua mà chọn lập Tăng chúng để xem xét kỹ và nhuận sắc (như câu “Tâm kinh độ nhất thiết khổ ách” là không có trong bản tiếng Phạm, lại câu “Thị cố không trung” thì hai chữ “thị cố” không có trong bản tiếng Phạm). Tăng chúng mỗi ngày đều tắm gội sạch sẽ, đầy đủ ba y tọa cụ; oai nghi nghiêm chỉnh, mọi thứ ăn uống cần dùng đều do Quan cấp. Ngài Thiên Tức Tai tâu: “Dịch văn có những chữ đồng với tên húy của vua chúa miếu hiệu thì ở các triều trước đều cho dùng, nếu thay chữ đổi tiếng thì e phương hại đến ý Kinh. Nay muốn dựa vào Cửu Kinh, Quốc Học nhưng thiếu hình vẽ”. Vua ban chiếu đáp lời rằng: “Dịch kinh Phật dùng chữ cần theo đúng Chánh văn, không cần tránh tên húy của vua chúa, miếu hiệu”...

Tháng bảy, ngài Thiên Tức Tai dâng lên vua bản dịch mới là Bộ Thánh Phật Mẫu Kinh, ngài Pháp Thiên dâng bộ Kiết Từưng Trì Thế Kinh, ngài Thi Hộ dâng bộ Như Lai Trang Nghiêm Kinh, tất cả đều một quyển. Vua ban chiếu cho Lương Nhai Tăng tuyển chọn các Sa-môn Nghĩa học một trăm người để xét định nghĩa Kinh. Lúc đó ngài Tả Nhai Tăng Lục Thần Diệu... nói rằng: Dịch trường đã bỏ hoang từ lâu nên sự truyền dịch rất khó. Ngài Thiên Tức Tai liền đem bản tiếng Phạm dịch ra nghĩa Phạm trước rồi dùng Hoa văn đối chiếu. Ngài Thần Diệu và chúng Tăng đều khen phục. Vua ban chiếu đem bản Kinh mới dịch cho nhập Tạng, lại khắc bản in để lưu hành. Vua xa giá đến Viện Dịch Kinh, mời họ Tăng chúng ban cho phép ngồi rồi ủy lạo phủ dụ, lại ban cho ngọc cụ, lụa là các vật... và độ cho những người trẻ tuổi ở Viện được mười người. Tất cả đều lấy Kinh trong Cung Cấm đưa cho phiên dịch.

Tháng mười hai, vua ban chiếu tuyển chọn Phạm học Sa-môn làm bút thọ. Nghĩa học Sa-môn có mười người để chứng nghĩa. Từ đó mỗi năm vào lễ Phật đản đều dâng lên vua Kinh mới dịch. Vua đều mời ngồi và ban tiệc trai và cho nhập Kinh vào Tạng.

Vua ban chiếu rằng: Trẫm làm hưng thịnh giáo pháp để cầu ước cho nước nhà và trong ngoài kinh thành khắp các Quận đều độ các người trẻ tuổi được thế độ.

Sa-môn Quang Viễn ở Thành Đô đi Tây Thiên trở về đến Cung Khuyết dâng lên vua tờ biểu của Vương tử Một-đồ-nặng, Phật đánh ấn, Kinh lá bối, lá Bồ-đề. Vua ra chiếu cho ngài Tam tạng Thi Hộ dịch

tờ biểu ấy thấy nói rằng: Trộm nghe nước Chi-na (Tây Trúc gọi Đại Đường là Chi-na, nay gọi theo tiếng cũ) có Đại Thiên tử là bạc chí Thánh chí Thần giàu sang tự tại, tự thẹn mình phước bạc nên không đến triều yết. Xa nhờ ân đức Thánh Hoàng, nay có một tòa Kim Cang của Đức Thích-ca Như Lai và một áo Ca-sa liền đem cúng dường. Cầu mong Hoàng Đế Chi-na phước huệ viên mãn, thọ mạng dài lâu, tất cả hữu tình đều được độ thoát các trầm nịch. Nay giao xá-lợi Đức Thích-ca cho Sa-môn Quang Viễn đem dâng (việc thờ tòa Kim Cang và áo Ca-sa Phật cả hai triều đều chưa thấy báu vật đem cho. Nay rõ lại là năm Càn Đức thứ tư, có Hành Càn... vâng chiếu vua đi Tây Thiên cầu pháp. Các nước đều ban chiếu thư và dâng hiến hai thứ vào năm ấy).

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tám, tháng sáu, vua ban chiếu sai hàn Lâm Tán Ninh sửa Truyện Đại Tống Cao Tăng. Ninh xin trở về Tiên Đường để soạn. Vua bằng lòng.

Vua ban chiếu tặng tên Truyền Pháp cho Viện Dịch Kinh. Ở lệch về phía Tây lại xây Ấn Kinh Viện (nay là Lâm An Truyền Pháp Viện, tức là Đông Đô Dịch Kinh Viện lúc trước. Nay vua quan chỉ cung phụng các Tăng làm Pháp sự ở trong Nội đạo tràng mà thôi).

Ở Thành Đô trước đây vâng lệnh Thái Tổ mà khắc bản Đại Tạng Kinh, nay đã khắc xong liền dâng lên vua. Vua ban sắc cho Thái Nguyên Thành Đô đúc chuông đồng để ban cho hai chùa danh sơn Ngũ Đài và Nga Mi. Ngày mang chuông đến thì ở hai chùa đều có hơn mười vị Phạm Tăng ở trên không trung nghinh rước chuông, tiếng chuông vang xa cả một trăm dặm.

Thiên Túc Tai... tâu rằng: Qua mấy Triều dịch kinh đều nhờ các Phạm Tăng, nếu vì cách trở xa xôi mà các vị ấy không đến thì việc dịch kinh phải phế bỏ. Nên nay muốn Lương Nhai chọn khoảng năm mươi đồng tử cho học tiếng Phạm. Vua ban chiếu sai Cao Phẩm Vương Văn Thọ tuyển chọn Duy Tịnh... mười tám người dẫn vào điện gặp vua, nhân đó vua ban chiếu đưa ngay qua Viện Dịch Kinh để theo học. Duy Tịnh là cháu của Giang nam Lý Dục, khi nghe đọc tiếng Phạm liền hiểu ngay nghĩa. Hơn một năm liền độ cho làm Tăng được thăng làm Phạm Học Bút Thọ, vua ban cho Tử y và hiệu là Quang Phạm Đại sư.

Sa-môn Pháp Ngộ từ Tây Thiên đến, hiến xá-lợi Phật ảnh và kinh Phạm lá bối. Pháp Ngộ dạy chúng làm Long Bảo cái, chẵn Ca-sa sợi vàng, lại sắp về Trung Thiên Trúc đem tòa Kim Cang để cúng dường. Bèn xin vua cấp cho thư gửi các nước sẽ đến. Vua ra chiếu ban cho thư gửi các nước Tam-Phật Tề Cát Cổ La Kha Lan... để họ thi hành.

Tứ Châu tâu rằng: Tháp Tăng-già giữa ban ngày phóng ánh sáng trắng. Các sĩ thứ đến đánh lễ đốt liễu trên đầu, trên cánh tay hàng ngày hơn cả ngàn người. Vua ra lệnh cho Nội Thị rước xá-lợi Phật đem chôn dưới tháp ấy.

Vua lấy Kinh mới dịch bảo các Tể Thần rằng: “Giáo pháp của Đạo Phật giúp việc cai trị lợi ích quần sinh. Người sáng tất hiểu được nguồn cội sâu xa, kẻ ngu thì lầm lẫn vu cáo chệch lạc. Trẫm hiểu biết chút ít tông chỉ của Đạo này. Phàm làm vua mà tâm ngay thẳng không riêng rẽ, tức là hạnh tự lợi. Phàm làm một điều Thiện để an ổn thiên hạ tức là hạnh lợi tha vậy. Còn như việc Lương Võ Đế xả thân làm nô tỳ cho chùa, thì đây thiên kiến của Tiểu thừa, không phải là phép tắc cho đời sau làm theo.” Triệu Phổ thưa rằng: “Bệ Hạ lấy Đạo Nghiêu Thuấn để trị đời, lấy hạnh Như Lai để tu tâm là việc của hàng Thánh trí cao xa, thần không thể hiểu được.”

Vua ban chiếu lấy các ngữ chệch như Liên Hoa Tâm Hội Văn Kệ, Bí Tạng Thuyên, Tiêu Dao Vịnh... để chỉ dạy cho hàng cận thần.

Vua ban sắc cho Nội Thị Trương Thừa Quý đến núi Thiên Thai tạo lại chùa Thọ Xương theo lời xin của Sa-môn Tự Tuân.

Năm Ung Hy thứ nhất, tháng ba, Sa-môn nước Nhật Bản là Điều Nhiên đến Triều, nói rằng: “Nước tôi truyền nối sáu mươi bốn đời gồm tám mươi lăm vua, đến đời Ứng Thần Thiên Hoàng mới được truyền văn tự của Trung Quốc. Đến đời Khâm Minh Thiên Hoàng năm Nhân Thân mới được truyền Phật giáo của Bách Tế. Ngay đời Nhà Lương khoảng năm đầu Thừa Thánh, thì đến thời Dụng Minh trị vì, có Thái tử tên là Thánh Đức mới bảy tuổi đã ngộ Phật pháp ở tại chùa Bồ-đề mà giảng kinh Thắng Man, cảm được trời mưa hoa, mới sai Sứ vào Trung Quốc để cầu kinh Pháp Hoa, đó là khoảng năm Khai Hoàng của Nhà Tùy. Đến thời Hiếu Đức trị vì thì vào năm Bạch Trĩ thứ tư đã sai Tăng Đạo Chiêu vào Trung Quốc theo học với ngài Huyền Trang vào năm Vĩnh Huy bốn đời Đường. Sau đó là đời vua Túc Cơ trị vì, sai Tăng là Trí Thông vào Trung Quốc cầu pháp Đại thừa đó là năm Hiển Khánh thứ ba. Kế đến đời Văn Võ trị vì vào năm Bảo Quy thứ hai, sai Tăng là huyền Phưởng vào Trung Quốc cầu pháp vào năm Khai Nguyên thứ tư. Khi Hiếu Minh trị vì vào năm Thiên Bình Thắng Bảo thứ tư, vua sai Sứ vào Trung Quốc cầu nội ngoại giáo điển, lúc đó là khoảng giữa năm Thiên Bảo. Kế đến thời Nguyên Võ trị vì, sai Tăng là Không Hải vào Trung Quốc học giáo với ngài Trí Giả đó là vào khoảng giữa năm Nguyên Hòa vậy (khoảng các năm Trinh Nguyên và Nguyên Hòa thì có

Tăng Nhật Bản là Tối Trừng thọ nhận một Tông Sơ Ký của ngài Kinh Khê mà đem về, được xem đây là cuộc truyền giáo đầu tiên. Nhưng Điều Nhiên lại nói là Không Hải được truyền giáo mà không phải là ngài Tối Trừng là sao? Đường Thư cũng nói Không Hải tu học ở Trung Quốc suốt hai mươi năm, song Tông ta chưa thấy vết tích được truyền giáo của Không Hải. Nay căn cứ vào Thích Môn Chính Thống nói rằng: Không Hải vào Trung Quốc học Mật Giáo với đệ tử ngài Bất Không là Tuệ Quả. Mới biết Điều Nhiên nói học giáo của ngài Trí Giả là sai). Kế đến đời Văn Đức trị vì, sai Tăng Thường Hiểu vào Trung Quốc cầu Thích-ca Mật Giáo vào khoảng năm Đại Trung. Vua nghe tin việc một họ vua truyền nối nhau nhiều đời, còn bề tôi thì đời đời làm quan, liền bảo các Tế Thần rằng: Vua tôi rợ ở ngoài đảo xa mà còn có thể nối nhau lâu dài đến thế.” Điều Nhiên bèn xin vua cho đến thăm núi Ngũ Đài, khi trở về kinh sư lại xin cho bản Kinh Đại Tạng đã in. Vua ra chiếu sai Hữu Ty cấp cho.

Xét Đường Thư thì Nhật Bản là người Hán lùn. Cách Kinh Sư một vạn bốn ngàn dặm ở trên đảo giữa biển về phía Đông nam nước Tân La, có hơn năm mươi đảo nhỏ chung quanh đều tự lập nước nhưng đều thần phục. Tục ở đó thì nữ nhiều nam ít, có văn tự, trọng Phật pháp, vua ở đó hiệu A Mỗ. Vua đầu tiên lấy hiệu là Thiên Ngự, vua ở giữa hiệu là Ngạn Khâm. Cả năm mươi hai đời đều lấy hiệu là Tôn, ở tại Thành Trúc Tử. Khi con của Ngạn Khâm là Thần Võ lên ngôi bèn lấy hiệu là Thiên Hoàng và dời về cai trị ở Châu Đại Hòa. Lại mười sáu đời thì đến Ứng Thần, rồi mười bốn đời thì đến Khâm Minh và hai đời thì đến Dụng Minh. Vào khoảng cuối năm Khai Hoàng đời Tùy mới bắt đầu thông thương với Trung Quốc. Lại bốn đời thì đến Hoàng Cực. Khoảng năm Chánh Quán thứ năm, sai Sứ vào triều cống. Con của Cực là Hiếu Đức lên ngôi mới đổi niên hiệu là Bạch Trí, đem hiến hổ phách to bằng cái đấu, mã não thì đựng đầy cả năm thăng. Lại hai đời thì đến Thiên Trí có sai Sứ cùng với người Hà Di cùng đến Triều. Lại hai đời thì lấy hiệu là Tổng Trì, có sai Sứ mừng Trung Quốc đã bình được Cao Ly, đó là vào khoảng đầu năm Hàm Hưởng. Đến đó mới đổi hiệu là Nhật Bản, có ý nói là nước mình ở phía Đông gần mặt trời mọc và do nó sinh ra. Đầu năm Trường an thì con của Trì là Văn Võ lên ngôi, bèn đổi niên hiệu là Đại Bảo, lại sai Sứ là Túc Điền đến triều cống thổ sản. Khi về nước Võ hậu trao cho chức Tư Thiện Khanh. Lại hai đời Thánh Võ lên ngôi và đổi niên hiệu là Bạch Quy. Đầu năm Khai Nguyên thì Túc Điền lại đến Triều xin được các nhà Nho trao cho các Kinh. Vua ban chiếu

cho Tứ Minh Trợ Giáo là Triệu Huyền Mặc tức xem chùa Hồng Lô làm thầy mà đổi vật trao Kinh đem về. Con gái của Thánh Võ là Hiếu Minh lên ngôi liền đổi niên hiệu là Thiên Bình Thắng Bảo, đến bốn đời thì Nguyên Võ lên ngôi. Vào khoảng cuối năm Trinh Nguyên, sai Sứ giả đến Triều ước hẹn với học giả Quất Miễn Thế, Phù Đồ Không Hải ở lại học đến hai mươi năm mới về. Lại năm đời thì Văn Đức lên ngôi, lại ba đời thì Quang Hiếu lên thay, đó là vào năm Quang Khải (vì Tổ nhà Đường là Cảnh Đế có tên húy là hổ, nên các tiếng Long Hổ, Hổ Khâu, Hổ Phách... đều dùng chữ Võ cả).

Vua ban sắc tạo năm trăm sáu mươi tượng La-hán rước về thờ ở chùa Thọ Xương tại Thiên thai.

Năm Ung Hy thứ hai, vua xem Kinh mới dịch, bảo các Tế Thần rằng: “Thiên Tứ Tai... rất khéo được cái thể phiên dịch”. Bèn chiếu ban cho ngài Thiên Tứ Tai chức Trừ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh, cho hai ngài Pháp Thiên và Thi Hộ đều được chức Trừ Triều Phụng Đại Phu Thí Hồng Lô Khanh. Ngài Pháp Thiên đổi tên là Pháp Hiền, mỗi tháng đều được cấp cho tô lạc và tiền theo cấp bậc. Các Kinh Luận mới dịch đều được khắc bản in cho lưu hành. Thiên Tứ Tai... tâu rằng: Nghe đồn các Lộ Thiểm Tây các đạo tục có cất giữ các kinh Phạm, xin cho tìm về làm tư liệu để dịch kinh. Vua ban chiếu chấp thuận (Hán Thư chú: Giao miếu hành lễ chín khách lớn tiếng mà truyền rao - Giải thích Hồng Lô Tự).

**Bàn rằng:** Từ xưa vua trọng đức của Sa-môn tất là tôn vinh ngôi vị với các tên khác nhau như Tăng Lục, Tăng Thống, Pháp sư, Quốc Sư. Khi vào gặp vua thì không xưng thần, lên điện thì được vua ban cho tòa cao. Như thế là phải. Cho đến như phong thêm quan tước thì gọi là Khanh là Công, làm rối loạn giềng mối triều đình coi thường vật luận, trên thì mất lễ tôn Tăng, dưới thì để lại tiếng chê thất tiết. Thanh danh của Đức Phật cao tột là do không cạnh tranh cái biểu hiện của Quân Vương, làm kẻ ẩn sĩ không thiết đến Vương Hầu, bọn chúng ta không xấu hổ ư? Còn như ngài Bất Không có chức Khai Phủ ở Đường Triều, ngài Tứ Tai với chức Quan Lộc ở triều Tống ta thì đều là do phiên dịch có công to nên được thừa hưởng ơn mưa móc, ấy chỉ là đáp lại lòng trọng Pháp của Chúa Thượng chứ không phải lấy đó làm vinh.

Vua ban chiếu cho Lưỡng Nhai Cung Phụng Tăng lập đạo tràng ở nội điện để cầu phước cho dân theo lệ thường niên. Vua lại ban chiếu các Tăng Tây Thiên tinh thông tiếng Phạm ai giúp việc phiên dịch đều mời đến ở Viện Truyền Pháp.

Vua ban chiếu về việc Thần Táo ở Lĩnh Nam có tục giết người để tế Quỷ, việc Tăng sĩ có vợ con... Quan lại ở nơi cần nên khuyên răn để thuận hợp với Chánh Giáo (Đông Đô Sự Lược).

**Bàn rằng:** Chí Bàn tôi lúc nhỏ dạo chơi ở Nam Hải, thấy các Tăng ở thôn quê có vợ con, đều có thể cầm não bạt chuông trống để dự các lễ lạc. Hỏi có Diệp Độ chăng, thì đáp là chỉ có Thiệp do Bản Quận cấp cho mà thôi. Đây đều do phép tắc của Quận Thú lỏng lẻo mà không biết đó là lỗi quấy rối Tam bảo. Nay chiếu này chỉ riêng khuyên răn các Trưởng Quan, đâu thể tỏ được cái tâm hộ pháp của vua. Từng nghe Tăng nước Thục ở thôn quê có vợ con, bình thời có thói quen xâm phạm công tư không cho là quấy. Nay người ở Tây Thục đến du học ở Đông nam lại là bậc xuất gia chân chính.

Năm thứ ba, vua ban chiếu trong thiên hạ, các người trẻ tuổi có khẩu thì cho thế độ, từ nay trở đi phải đọc kinh được ba trăm tờ, đạo nghiệp tinh thực thì mới được khẩu thí. Vua chiếu lấy bài Ngự Chế Tam Tạng Thánh Giáo Tự ban cho Thiên Tức Tai... bảo đặt ở đầu Kinh mới dịch.

Năm Ung Hy thứ tư, vua ra lệnh cho Quan Nội Thị đưa mỗ báu, chuỗi anh lạc, áo ca-sa đến chùa Phổ Hiền núi Nga Mi. Ngày hôm ấy chúng thấy Đức Phổ Hiền Đại Sĩ nương đám mây tía đi trên không trung giây lâu mới ẩn. Tháng mười một, ngày bốn năm ấy ngài Loa Khê Hy Tịch Pháp sư thị tịch.

Năm Đoan Cửng thứ nhất, Hàn Lâm Thông Tuệ Đại sư Tấn Ninh dâng lên vua bộ Cao Tăng Truyện ba mươi quyển, được thư có ấn vua khen hay, cho nhập vào Đại Tạng. Vua ra sắc mời Sư ở chùa Thiên Thọ tại Kinh Sư. Việc làm Cao Tăng Truyện bắt đầu từ năm Gia Tường đời Nhà Lương do Tăng Tuệ Kiểu viết Cao Tăng Truyện mười bốn quyển bắt đầu từ Hán Minh Đế chấm dứt vào năm Thiên Giám mười tám đời Lương Võ Đế. Đời Đường có ngài Tây Minh Đạo Tuyên làm Tục Cao Tăng Truyện ba mươi quyển bắt đầu từ năm Thiên Giám nhà Lương, chấm dứt vào năm Chánh Quán mười chín nhà Đường. Nay Cao Tăng Truyện ở đời Tống bắt đầu từ năm Chánh Quán nhà Đường cho đến năm Đoan Cửng thứ nhất đời Tống. Căn cứ vào hai truyện đời Lương và đời Đường phân làm mười khoa mục là: Dịch Kinh, Giải Nghĩa, Thiền Định, Giới Luật, Hộ Pháp, Cảm Thông, Di Thân, Đọc Tụng, Hưng Phước, Tạp Học.

**Bàn rằng:** Hồng Giác Phạm bảo Tuyên Luật Sư viết bộ Tăng Sử thì văn từ không phải sở trường. Viết về Thiền sư thì như trong phòng tối



mà ngồi kiểm tra. Còn Ninh Tăng Thống dầu là học rộng nhưng sự ghi chép của ngài ngậm nêu lên bậc tiêu biểu không đồng nhất. Giác Phạm luận việc đó sao mà đúng thế! Xưa Lỗ Trực thấy Tăng Truyện văn thô nghĩa cạn muốn cắt sửa lại nhưng không được, tiếc thay! Nếu dùng tôi ở trường hợp đó, tôi có thể hoàn thành chí của Lỗ Trực chăng?

Lưỡng Nhai Tăng Lục Khả Triều... dâng thư xin giải thích Ngự Chế Phật Thừa Văn Tập, vua ban chiếu chấp thuận.

Pháp Tế Đại sư Điều Nhiên nước Nhật Bản sai đệ tử là Gia Nhân Kỳ Càn đến triều kiến. Ngày mười một tháng mười hai, ngài Bảo Vân Thông Pháp sư thị tịch.

Năm Đoan Cung thứ hai, tại chùa Khai Bảo đã xây xong bảo tháp, tám gác mười một tầng, cao ba mươi sáu trượng. Trên thờ ngàn Phật Bồ-tát. Dưới tháp tạo Thiên Cung để thờ tháp xá-lợi Phật của A-dục Vương. Đều do thợ xây tháp ở Hàng Châu là Dụ Hạo đứng xây dựng, tám năm mới xong. Vua ban tên cho tháp là Phước Thắng Pháp Viện. Ngày đặt thờ xá-lợi thì vua khiêng kiệu Phật và chính tay đặt xá-lợi vào tháp.

Có ánh sáng trắng phát ra từ một góc của tháp nhỏ, tháp lớn phóng ánh sáng chiếu khắp đất trời. Sĩ thứ đến đốt hương hiến cúng đầy đường. Cả mấy mươi Nội Thị xin xuất gia để quét tháp. Vua bảo cận thần rằng: “Kiếp trước ta từng ở bên tòa Đức Phật, nhưng chưa thông được túc mạng mà thôi.” Vua ban chiếu cho Trực Học Sĩ Viện là Chu Ngang soạn bài minh cho tháp và bảo rằng: “Nhà Nho ít kẻ biết Phật, chỉ hướng về Tăng Trung Thiên Trúc là Pháp Ngộ mà xin lập bia cho tòa Phật Kim Cang ở nước mình (tức Đài Kim Cang bằng đất ở dưới cội Bồ-đề). Học Sĩ Tô Dị Giản cho Phật là mọi rợ, Trầm ghét hẳn bất kính, nên đây ở riêng. Khanh nên thể theo ý này”.

**Bàn rằng:** Người không hiểu biết không đủ để hiểu Phật pháp, cho nên Hàn Dũ cũng như Âu Dương Tu đều nói Phật là mọi rợ. Thái Tông thấy Tô Dị Giản bảo Phật là mọi rợ mà ghét thì từ xưa nay chưa có vua chúa nào có hiểu biết như Thái Tông cả. Phật là Thánh nhân ở giữa cõi Ngũ Thiên. Cõi này là nước ở phía Đông của Ngũ Thiên. Nay xưng là Trung Quốc thì chỉ là tự tôn vinh mình mà thôi. Lại nói về Tứ Di thì cũng là chỉ cho bốn phía ngoài cõi này mà luận như thế. Nhà Nho mà thiếu hiểu biết thì chỉ nói những điều gần gũi trước mắt nên phần nhiều là lầm lỗi. Như các ông Tô Huỳnh kia biết được nên mới có thể nói.

Vua ra lệnh cho Nội Thị Tạ bảo Ý lãnh lệnh tìm thợ, ban cho ba trăm lượng vàng ròng đến Nga Mi để trang sức lại tượng Phổ Hiền và



sửa lại chùa chiền, đều ban cho Ngự Chế Văn Tập khiến Trục Viện là Từ Huyền soạn lời ký.

Năm Thuần Hóa thứ nhất, vua ban chiếu cho Tham Chánh Tô Dị Giản soạn Tam Giáo Thánh Hiền Lục, xin ngài Thông Tuệ Tấn Ninh, Thái Nhất Cung Đạo sĩ Hàn Đức Thuần chia nhau lãnh nhiệm vụ. Ngài Tấn Ninh có soạn Thấu Lãnh Thánh Hiền Lục năm mươi quyển dâng lên vua. Vua ra sắc lệnh sung ngài làm Tả Nhai Giảng Kinh Thủ Tọa.

Thông Lợi Quân (sau bị phế lệ thuộc Chân Định Phủ) đào đất xây thành ở nền chùa cũ được mười tượng Phật bằng đá rất to. Vua ban chiếu cho lập chùa Thuần Hóa để thờ các tượng ấy.

Vua ban chiếu mời Sa-môn ở Liên Thủy Quân là Đạo Kiên vào gặp ở Cung Khuyết và ban cho Kệ. Đạo Kiên họ Lữ, thần dị khó lường, biết người tốt xấu. Lúc đó ở Nhuận Châu có Sa-môn hiệu là Tứ Thế Giới, giả khùng ở trong chợ nói việc họa phước rất đúng. Kẻ thương buôn ở Nhuận Châu muốn đến Liên Thủy. Tứ Thế Giới bảo: “Ở đây có Lữ Đạo Giả là Đạo Bảo Hoa Phật hóa thân, các ông đến gặp tất được lời to”. Khách buôn đến Liêm Thủy yết kiến đánh lễ. Sư nói: “Tứ Thế Giới dạy người đến đây phải không, người không biết đó là Nhật Quang Bồ-tát, gặp ta làm gì?” Khách buôn ra về quả nhiên được lời lớn khác thường. Trở về tìm hỏi Tứ Thế Giới thì không thấy đâu nữa.

Vua ban chiếu cho Xích Khước Đạo Giả vào gặp. Vua hỏi: “Ở Nam Phương Thiên và Luật độ người như thế nào?” Sư thưa: “Một lý tốt cùng!” Vua đứng dậy đi quanh long sần một vòng, hỏi: “Đó là Thiên hay Luật?” Sư thưa: “Một lý tốt cùng!” Vua rất vui. Vương Trị ở nước Cao Ly sai sứ đến xin vua ban cho Đại Tạng Kinh và Ngự Chế Phật Thừa Văn Tập, vua ra chiếu sai quan cấp cho.

Năm Thuần Hóa thứ hai, Sa-môn ở Thái Nguyên là Trọng Đạt từ Tây Thiên trở về, đi và về mười năm, dâng lên vua xá-lợi Phật và kinh Phạm lá bối. Vua ban cho Tử y và mời ở chùa Quảng Ái ở Tây Kinh.

Vua ra lệnh cho Hàn Lâm Tấn Ninh làm Sử Quan Biên Tu.

Sa-môn Bồ Đà Ngật Đa ở chùa Na-lan-đà tại Trung Thiên Trúc đến Triều dâng lên vua xá-lợi Phật và kinh Phạm, vua ban cho Tử y.

Ở Tây hồ Hàng Châu, Sa-môn Tỉnh Thường ở chùa Chiêu Khánh đã chích máu viết phẩm Tịnh Hạnh Hoa Nghiêm, kết xã tu tịnh nghiệp Tây phương. Tế tướng Vương Đán đứng đầu và Tham Chánh Tô Dị Giản v.v... một trăm ba mươi hai người, cùng một lúc các sĩ phu đều xưng là đệ tử của Tịnh Hạnh Xã, số Tỳ-kheo tham dự cả ngàn người, bảo rằng: “Lô Sơn Liên Xã cũng không đông đảo hưng thịnh như ngày

nay”.

Thân Công Lữ Mông Chánh thuở hàn vi rất nghèo thường xin việc làm với mọi người. Có vị Tăng thường cấp cho ăn, được một tháng thì hết hẳn, bèn bảo đến ở ngoài hành lang chùa theo chúng mà cháo rau. Nhờ đó mà an tâm đọc sách. Năm ấy được tiến cử đi thi, Sư cũng đem cho áo quần đầy đủ. Cuối cùng thì đậu trên nhiều người. Sau mười năm coi việc Tế Giao, ai dâng cúng gì cũng không nhận. Vua hỏi nguyên cớ thì tâu rằng: “Ân nặng chưa báo đền.” Vua khen rằng: “Tăng mà có người được như thế ư?” Bèn viết điệp cho Tây Kinh khiến Tăng trong chùa lấy tiền của cúng sửa chùa mà đền trả. Ông buổi sáng thường dậy lễ Phật khẩn rằng: Xin đừng cho những kẻ không tin Tam bảo sinh vào nhà con, nguyện con cháu con đời đời ăn lộc biết hộ trì Phật pháp. Con ông là Công Trứ, lại có con là Di Giản đều được phong thân công, đều biết kính Phật. Mỗi năm vào Tiết Nguyên Đán thường nêu việc của các Thiền Lão viết thành lời khuyên dạy, rồi đánh lễ mà đọc lên. Lúc Mông Chánh còn làm quan ở Phủ, đốt sớ thỉnh Ngôn Pháp Hoa đến thọ trai. Sáng hôm sau ngài đến ngồi ở nhà trên. Khi ông sắp ra chào tự nghĩ không biết nên lạy hay không nên lạy, thì ngài to tiếng gọi lớn rằng: “Này ông bạn già kia ra đây mau đi, lạy cũng được mà không lạy cũng được!” Ông cả kinh bèn ra đánh lễ. Tiệc trai xong, ông hỏi việc tốt xấu. Ngài bảo ông đem bút ra và ngài viết hai chữ “Hào Châu”. Sau này ông bị bãi tướng ở Tri Hào thì mới nhận ra lời Sấm trước (Đại Tuệ Võ Khố).

Sa-môn Tịnh Giới ở nước Chiêm Thành tại Nam Hải đến Cung Khuyết hiến tặng vua cái linh Như Ý bằng đồng vàng và cây chày hương Long não. Vua ban chiếu ngày Quốc Kỳ từ Tế Tướng trở xuống đều đến Chùa hay Quán hành hương, cấm cúng rượu và thịt sống.

Năm Thuần Hóa thứ tư, vua ban chiếu các Quận ở biên giới phía Tây khi có các Phạm Tăng từ Tây Trúc đến hoặc các Tăng Trung Quốc Tây Du mà trở về thì các Kinh sách đem về đều phải báo cáo đầy đủ trước và đóng gói ghi rõ tên kinh rồi dâng lên vua.

Vua nước Cao Ly sai sứ đến tạ ơn vua đã ban cho Tạng Kinh và Ngự Chế Văn Tập. Vua đến Viện Tháp Khai Bảo hỏi Tăng: “Khanh là ai?” Tăng đáp: “Là chủ tháp”. Vua nói: “Tháp của Trẫm vì sao Khanh lại làm chủ?” Tăng không đáp được. Nhân có vị Tăng đến triều kiến. Vua hỏi: “Ở đâu đến?” Tăng thưa: “Ở Ngọa Vân Am tại Lô sơn”. Vua nói: “Ngọa Vân nơi sâu xa sao chẳng châu trời?” Tăng không đáp được. Có lần vua mộng thấy người trời bảo: “Xin Bệ Hạ phát tâm Bồ-đề”.

Sáng hôm sau vua đem hỏi Tây Nhai: “Bồ-đề tâm như thế nào mà phát?” Không ai đáp được.

Năm thứ năm, Sa-môn nước Vu Điền là Cát Tường dâng vua bộ Đại Thừa Bí Tạng Kinh. Vua ban chiếu mời ngài Tam tạng Pháp Hiền giám định. Hiền tâu: “Kinh này là sách của nước Vu-điền không phải là Phạm Văn, trong đó không có người thỉnh hỏi và chúng nghe pháp, trước sau có sáu mươi lăm chỗ văn nghĩa không đúng”. Vua mời Pháp Hiền và bảo rằng: “Nếu để tà ngụy lưu hành là không sùng kính giáo pháp của Phật, nên đốt bỏ bản Kinh này cho tuyệt hết mê lầm về sau.”

Dân nước Thục là Lý Thuận làm phản vây hãm Thành Đô. Vua sai Chiêu Tuyên Sứ Vương Kế Ân đánh phá, lại sai Tham Tri Chánh Sự là Triệu Xương Ngôn làm Xuyên Thiểm Lộ Bình Mã Đô Sứ. Khi đi rồi, lúc bấy giờ có vị Cao Tăng ở núi Nga Mi là Mậu Trinh được mời đến, bảo vua rằng: “Xương Ngôn có tướng phản nghịch không nên ủy thác việc nước Thục”. Vua rất hối tiếc. Đến khi Xương Ngôn đến Phụng Tường, thì Khấu Chuẩn là Quan Thú ở đấy ngầm viết thư tâu vua rằng: “Xương Ngôn có danh chức cao mà không con cháu không thể trao cho quyền bính.” Vua được Sớ nhớ lại lời của Mậu Trinh cả kinh, bèn giao Xương Ngôn coi Phụng Tường và triệu Khấu Chuẩn về làm Tham Tri Chánh Sự.

Năm Chí Đạo thứ nhất, Sa-môn Ca-la-phiến-đế ở Trung Thiên Trúc đến Triều dâng lên vua xá-lợi đánh của Phật và kinh Phạm lá bối. Vua ban chiếu Lộ Phước Kiến ở Lương Triết mỗi chùa có ba trăm Tăng thì mỗi năm độ một người, một trăm Ni thì độ một người, phải thuộc lâu một trăm tờ Kinh và đọc thông năm trăm tờ Kinh mới hợp quy cách.

Vua ban chiếu cho Lương Nhai Tăng Lục Tỉnh Tài nộp lên vua Nghi Vu Lan Bồn.

Năm Chí Đạo thứ hai, vua ban chiếu đem Ngự Chế Bí Mật Tạng Thuyên hai mươi quyển, Duyên Thức năm quyển, Tiêu Dao Vịnh mười quyển sai Lương Nhai chú giải và nhập vào Đại Tạng cho ban hành.

Tạng Lục Tú Sư nói: Tú tôi từng kính cẩn đọc kỹ Bí Tạng Thuyên v.v... ba thứ mà biết ý chỉ, nghĩa cùng Kinh tương hợp trong ngoài, gọi đó là Phật hiện tại dùng thân Phạm Vương Đế Thích xứng tánh mà thuyết pháp vậy.

Vua ban sắc cho lệnh cho Sử Quán Biên Tu là Tán Ninh coi việc Giáo Môn ở Tây Kinh.

Năm Chí Đạo thứ ba, tháng chín, Sa-môn La-hộ-la ở Tây Thiên Trúc đến triều dâng tặng kinh Phạm lá bối, vua ban cho Tử y.

**PHẦN PHỤ CHÚ trang 396 - 397 - 393**

[Chú số 17] - Xưa, trong nước có thiên thần giáng xuống nhà của Trương Thủ Chân ở Chu Ốc (ở Huyện Túc Chúc) tự nói rằng: “Ta là quan phụ tá cho Ngọc Đế, vâng lệnh Thượng đế hộ vệ Tống Triều.” Ông nói việc họa phước đều ứng nghiệm. Lúc đó Thủ Chân làm Đạo sĩ. Vua nghe tin bèn mời Thủ Chân vào gặp, rồi lập đàn bày phép cúng tế. Vua ra lệnh lập đàn ở vườn Quỳnh Lâm để cúng tế chư Thiên. Sai Ký Cư Xá Nhân Vương Quy Tùng đến núi Chung Nam xây Cung Thượng Thanh Thái Bình để thờ Thiên thần. Vua thân chinh Thái Nguyên, Thiên thần giáng cơ rằng: “Phải thiết lễ tế tạ thì đánh giặc thắng nhanh.” Được một tuần đánh xong thì kéo quân về. Vua sai Sứ đến cung cúng tạ lễ. Chiều hôm đó giáng cơ rằng: “Thượng đế và Chư Thiên đều mừng cho vận nước dài lâu hơn cả nhà Đường.” Vua bèn phong cho Thiên thần là Thánh Dực Bảo Đức Chân Quân, ban cho Thủ Chân hiệu Sùng Nguyên Đại sư. Từ đó Công Khanh Sĩ Thứ đều đến cung cầu khẩn, đều giáng cơ khuyên dạy (Quốc Triều Hội Yếu).

[Chú số 18] - Vua ban chiếu mời Xử sĩ ở Hoa Sơn là Trần Đoàn vào triều kiến. Ông không đến. Vua lại sai Quan Trung Yết (đời Hán gọi quan Nội Sứ là Trung Yết) ban cho thi rằng:

*Thuở tiền triều hiện trên mây cao  
Từ bấy đến nay bật âm hao  
Trẫm nay muốn biết nên mời đến  
Tặng hết cho khanh ba núi cao.*

Bất đắc dĩ Đoàn phải đến cung Khuyết đội mũo Hoa Dương, mặc áo lông, mang hài cỏ, vua dùng lễ tân đón tiếp, rồi ban hiệu là Hy Di Tiên Sinh khiến ông yết kiến Thọ Vương (Chân Tông xưa đã phong cho). Kịp khi ra cửa ông quay lại bảo: “Đám người đùa giỡn dưới cửa vua sau này đều là quan văn quan võ cả hà tất phải yết kiến vương”. Do đó vua dặt dò ý muốn của Chân Tông. Tể Tướng Tống Kỳ thông dong hỏi Trần Đoàn rằng: “Tiên sinh đã được đạo Huyền Mặc có thể đem ra dạy người chăng?” Đoàn đáp: “Người sơn lâm không có Đạo để truyền. Thánh Thượng là biểu hiện cho mặt trời, làm đúng Đạo vua Tôi là cai trị hợp Đạo Đức”.

[Chú số 19] - Thư Châu dâng vua hòn đá linh tâu rằng: Người ở Huyện Hoài Ninh là Kha Ngạc gặp một vị Tăng lạ bảo đến núi Vạn Tuế mà lấy báu vật. Vị Tăng cầm gậy chỉ vào một gốc Tòng cổ, Ngạc đào lên thì được một hòn đá sắc xanh đen, bên trên có khắc lời ký của ngài Chí Công đời Lương rằng: “Ta xem bốn, năm triều sau, đến năm Bính

Tý, Triều vua họ Triệu Thái Bình thứ hai mươi mốt, xã tắc bình an lâu dài.” Vị Tăng bỗng biến mất. Vua xem đá linh khen ngợi khôn cùng. Bỗng một hôm Chí Công hiện ra ở Cung Cấm, vua đích thân nghe ngài dạy bảo. Bèn sai Sứ đến Chung Sơn cúng Trai, lời văn tóm tắt rằng: Bạc Chí Chân giáng hiện, lời vàng ngọc xin kính nghe, xét nền móng cơ đồ, hiện điềm linh vĩnh cửu. Vua bèn ban chiếu cho ngài hiệu là Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát. Công và Tư không được chỉ trích tên ấy, nhân đó gọi là Bảo Công.

**Bàn rằng:** Trong triều đại vua Thái Tông hai lần nhật được đá linh đều xưng Triệu hai mươi mốt vua. Hòn đá do Gia Châu dâng lên có thể bảo là do người làm ra, còn hòn đá do Thư Châu dâng tặng có lời ký của Chí Công, lại có vị Tăng lạ đích thân điềm chỉ thì không thể bảo là người làm ra được. Đến khi ngài Chí Công giáng xuống trong Cung Cấm, vua nghe lời khuyên dạy, lại sai Sứ đến Chung Sơn cúng trai tạ lễ, nếu không phải là bậc Thánh Thiên tử có lòng thành sao cảm được điềm linh đến thế.